TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ – TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44** /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25-9-2020
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thái
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hồng
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/6/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2020, Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 100/TB-TA ngày 14/8/2020, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 100/TB-TA ngày 07/9/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà **Lê Thị Thanh T**; Sinh năm 1983; *(Có mặt)*
- *Bị đơn:* ông **Trương Đình M**; Sinh năm 1979; *(Vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: 246A/4 đường N, tổ 57 phường A, quận K, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn - bà Lê Thị Thanh T trình bày:***

Bà và ông Trương Đình M kết hôn vào năm 2012, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã K1, huyện A1, tỉnh Hà Tĩnh. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, ông bà cùng nhau chuyển vào sinh sống tại số 246A/4 đường N, phường A, quận K, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì do điều kiện kinh tế nên ông M đã rời nhà đi làm ăn ở nhiều nơi, từ năm 2016 ông M

quay về lại Đà Nẵng sinh sống. Thời gian chung sống, do con còn nhỏ và mâu thuẫn về kinh tế nên trong nhiều năm nay, tuy cả hai ở chung nhà nhưng không có trách nhiệm gì với nhau, phần ai nấy sống. Từ cuối năm 2019 đến nay ông M thường hay đi vắng, nhưng đi đâu làm gì bà T không rõ, chỉ thỉnh thoảng mới về. Nay bà T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông M để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà Lê Thị Thanh T xác định bà và ông Trương Đình M có một con chung là Trương Hà L - Sinh ngày 25/02/2013. Ly hôn, bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Thanh T xác định bà và ông Trương Đình M không có tài sản chung, không có nợ chung.

**Bị đơn là ông Trương Đình M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng là nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh, thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không có ý kiến phản hồi là đã vi phạm các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà Lê Thị Thanh T được ly hôn với ông Trương Đình M; về con chung: giao cháu Trương Hà L - Sinh ngày 25/02/2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông M không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1] Nguyên đơn - bà Lê Thị Thanh T khởi kiện về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" đối với bị đơn là ông Trương Đình M có địa chỉ cư trú tại số 246A/4 đường N, tổ 57 phường A, quận K, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai đối với bị đơn ông Trương Đình M nhưng ông M vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung vụ án:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của bà Lê Thị Thanh T về việc xin ly hôn đối với ông Trương Đình M thì thấy:

Bà Lê Thị Thanh T và ông Trương Đình M kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã K1 cấp giấy chứng nhận vào ngày 19/3/2012 (số 32, quyển số 01.2012). Ông bà đã tuân thủ đầy đủ các quy định về kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo bà T trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài cho đến nay, hiện tại cả hai không có trách nhiệm gì với nhau nữa. Ông M không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của bà T, Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập ông M tham gia phiên hòa giải nhưng ông M vắng mặt. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Thanh T với ông Trương Đình M là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: bà Lê Thị Thanh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà và ông Trương Đình M là cháu Trương Hà L - Sinh ngày 25/02/2013.

Xét yêu cầu của bà T thì thấy: Tuy ông M không có ý kiến gì đối với con chung, nhưng việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên vừa là quyền, đồng thời cũng là nghĩa vụ của cha mẹ. Việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn phải xuất phát từ lợi ích của con chung, trên cơ sở xem xét tình hình thực tế của các bên. Xét thấy, bà T hiện có chỗ ở và công việc ổn định, mặt khác cháu Trương Hà L là con gái nên việc giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng như nguyện vọng của bà T phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn xác định không có, bị đơn không có ý kiến gì nên không xem xét.

[4] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp như nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn 300.000

đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Thanh T ly hôn với ông Trương Đình M.

2. Về con chung: Giao cho bà Lê Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Hà L - Sinh ngày 25/02/2013 đến khi thành niên, ông Trương Đình M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu cấp dưỡng và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Án phí HNGĐ-ST: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Lê Thị Thanh T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 1820 ngày 27/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà T đã nộp đủ án phí HNGĐ sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Trương Đình M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- UBND xã K1;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

DƯƠNG THỊ THÁI